



Bàn về phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu

○ TS. TẠ ĐÌNH THI

Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ

ThS. TẠ VĂN TRUNG

Trung tâm Tư vấn và Công nghệ Môi trường
Tổng cục Môi trường

Vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long (KTĐDBSCL) đang chịu ảnh hưởng nặng nề do tác động của BĐKH, đang đứng trước những nguy cơ và thách thức nghiêm trọng đối với sự PTBV của Vùng. Bài viết phân tích thực trạng phát triển kinh tế, đánh giá tác động của BĐKH đối với Vùng KTĐDBSCL, từ đó đề xuất một số nhóm giải pháp cơ bản đảm bảo phát triển kinh tế bền vững của vùng trong bối cảnh BĐKH.

Tác động của biến đổi khí hậu lên phát triển kinh tế của vùng

Đối với Ngành Nông nghiệp và thủy sản: Tình trạng ngập lụt do nước biển dâng sẽ làm mất đất canh tác trong nông nghiệp. Nếu mực nước biển dâng thêm 75 m, ước tính khoảng 39% diện tích ĐBSCL sẽ bị ngập. Trong đó, vùng KTĐDBSCL sẽ bị ngập 32.389 ha lúa 1 vụ, 106.723 ha lúa 2 vụ, 25.352, 398 ha lúa 1 vụ và thủy sản nước ngọt, 34.359 ha lúa 1 vụ và thủy sản nước mặn, lợ.

Tình trạng xâm nhập mặn ở khu vực ven biển cũng sẽ làm thu hẹp diện tích đất nông nghiệp. Một phần diện tích đáng kể đất trồng trọt sẽ bị nhiễm mặn vì đất thấp so với mực nước biển. Xâm nhập mặn làm cho

diện tích đất canh tác giảm, từ đó hệ số SĐĐ có thể giảm từ 3-4 lần/năm xuống còn 1-1,5 lần/năm.

Vùng KTĐDBSCL hiện có thế mạnh về ngành thủy sản, đặc biệt là việc đánh bắt nuôi trồng và chế biến thủy sản, khoảng 480.000 người trực tiếp tham gia vào đánh bắt; 100.000 người làm việc ở ngành chế biến thủy sản và khoảng 2.140.000 người tham gia vào các dịch vụ nghề cá. Các sinh kế thủy sản, bao gồm đánh bắt và nuôi trồng, là những sinh kế phụ thuộc vào nguồn nước và sự phong phú của nguồn lợi ven biển, nên là một trong những lĩnh vực nhạy cảm nhất và dễ bị tổn thương nhất trước tác động của BĐKH. Nhìn chung, BĐKH có xu

hướng làm thay đổi môi trường sống của các loài thủy sản, dẫn đến thay đổi trữ lượng các loài thủy hải sản do di cư hoặc do chất lượng môi trường sống bị suy giảm; từ đó làm thu hẹp ngư trường đánh bắt, sản lượng đánh bắt và sản lượng nuôi trồng. Thiệt hại về sản lượng nuôi trồng thủy sản ở một số tỉnh, ví dụ như Cà Mau... đã tăng tới 30-40%/năm.

Đối với Ngành Công nghiệp:

Nếu theo kịch bản nước biển dâng khoảng 1 m vào cuối Thế kỷ 21 sẽ làm cho hầu hết các KCN ở vùng KTĐDBSCL bị ngập, thấp nhất là trên 10% diện tích, cao nhất là khoảng 67% diện tích. Nguồn nguyên liệu cho công nghiệp, đặc biệt là nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lương thực thực

phẩm, dệt, may mặc của vùng KTTĐĐBSCL sẽ bị suy giảm đáng kể vì không được tiếp ứng từ các vùng nguyên liệu ở các tỉnh vùng ĐBSCL vốn bị ngập lụt nặng nề nhất ở Việt Nam. Điều này càng gây sức ép đến việc chuyển dịch cơ cấu các ngành công nghiệp về loại hình công nghiệp, tỷ lệ công nghiệp chế biến, công nghệ cao.

Nhiệt độ tăng làm tăng tiêu thụ năng lượng trong các ngành công nghiệp: Tăng chi phí thông gió, làm mát hầm lò khai thác và làm giảm hiệu suất, sản lượng của các nhà máy điện. Tiêu thụ điện cho sinh hoạt gia tăng và chi phí làm mát trong các ngành công nghiệp thương mại cũng gia tăng đáng kể khi nhiệt độ có xu hướng ngày càng tăng.

Đối với một số lĩnh vực lao động, xã hội: BĐKH tác động đến lao động, việc làm theo hai xu hướng rõ rệt là: (i) BĐKH làm cho việc làm trong nông nghiệp trở nên bấp bênh hơn, rủi ro hơn và điều kiện làm việc tồi tệ hơn; (ii) BĐKH làm cho một bộ phận lao động phải chuyển đổi việc làm, làm giảm thời gian làm việc, giảm thu nhập và làm tăng lượng lao động di cư của địa phương.

Đối với hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống đê biển: Mực nước biển dâng cao có thể làm hệ thống đê biển không thể chống chọi được nước biển dâng khi có bão, dẫn đến nguy cơ vỡ đê trong các trận bão lớn.

Hệ thống đê sông, đê bao và bờ bao: Mực nước biển dâng cao làm cho khả năng tiêu thoát nước ra biển giảm, kéo theo mực nước ở các con sông trong nội địa dâng lên, kết hợp với sự gia tăng dòng chảy lũ từ thượng nguồn sẽ làm

cho đỉnh lũ tăng lên, ảnh hưởng đến sự an toàn của các tuyến đê sông ở các tỉnh phía Bắc, đê bao và bờ bao tại các tỉnh phía Nam.

Các công trình cấp nước: Mực nước biển dâng làm gia tăng tình trạng xâm nhập mặn của biển vào đất liền, làm cho các tầng nước dưới đất vùng ven biển cũng có nguy cơ bị nhiễm mặn, gây khó khăn cho công tác cấp nước phục vụ sản xuất.

Cơ sở hạ tầng đô thị: Nước biển dâng và triều cường sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng các khu đô thị ven biển, gây ảnh hưởng đến giao thông, sinh hoạt và các hoạt động sản xuất.

Đề xuất một số giải pháp phát triển bền vững

Với quan điểm, phát triển kinh tế bền vững vùng KTTĐ ngoài ý nghĩa bền vững của bản thân nền kinh tế vùng còn phải tính đến vai trò động lực, hạt nhân lôi kéo các vùng khác xung quanh cùng phát triển. Trong bối cảnh BĐKH như hiện nay, xin đề xuất các giải pháp phát triển kinh tế bền vững vùng KTTĐ như sau:

Nhóm giải pháp chính sách:

Rà soát, bổ sung, điều chỉnh, xây dựng mới cơ chế, chính sách để tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nhanh chóng chuyển từ nền kinh tế dựa vào các yếu tố sản xuất sang nền kinh tế dựa vào đầu tư, cân đối các dự án đầu tư giữa các địa phương trong vùng, đầu tư phải có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, dàn đều, đầu tư phải theo kế hoạch thống nhất, căn cứ trên tình hình quy hoạch và theo điều kiện về dân cư, địa lý, tiềm lực nguồn nhân lực, điều kiện về TN&MT. Bên cạnh đó cần có chính sách

thuế, chính sách và cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp, chính sách tiền tệ phù hợp để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH-HĐH.

Hoàn thiện chính sách về đất đai, nhất là chính sách giao đất nông lâm nghiệp cho các hộ sử dụng lâu dài, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; chính sách hạn điền, tích tụ và tập trung ruộng đất; tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất "sạch" trước khi giao đất cho chủ đầu tư thực hiện các dự án đầu tư ưu tiên.

Điều chỉnh cơ cấu đầu tư hướng vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn với các mục tiêu xã hội, tạo mọi điều kiện khai thác thế mạnh các nguồn nội lực của mọi thành phần kinh tế và vốn bên ngoài; trong đó chú trọng điều chỉnh chi NSNN, dành nguồn vốn ngân sách thỏa đáng cho phát triển nguồn nhân lực và an sinh xã hội, tạo việc làm, giảm tỷ lệ hộ nghèo; bảo đảm chi tối thiểu 1% tổng chi ngân sách cho sự nghiệp môi trường.

Đẩy mạnh thu hút vốn FDI đầu tư cho các dự án phù hợp, nhất là các dự án phát triển hạ tầng nông thôn thông qua các chính sách ưu đãi đặc biệt như giảm mức giá thuê đất, mặt nước, mặt biển tới mức tối đa, hỗ trợ vốn cho các đối tác Việt Nam muốn liên doanh với nước ngoài trên địa bàn lãnh thổ.

Điều chỉnh cơ cấu đầu tư vào các KCN, khu chế xuất; đồng thời, nhanh chóng đưa các KCN, khu chế xuất về công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp tiêu dùng vào hoạt động

ổn định, đạt hiệu quả cao và thành lập thêm các KCN, khu chế xuất về công nghiệp nặng; đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, du lịch và dịch vụ vô hình.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại, vận tải và giao thương trong và ngoài vùng. Thúc đẩy chính sách, chuyển dịch cơ cấu theo hướng giảm tỷ trọng các lĩnh vực nông lâm nghiệp, thủy sản sang các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Tích cực đào tạo, phát triển nguồn nhân lực qua đào tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành, lĩnh vực kinh tế trong vùng. Lồng ghép yếu tố BDKH vào trong các kế hoạch, chiến lược phát triển các ngành, địa phương trong vùng.

Nhóm giải pháp hỗ trợ cụ thể đối với các ngành, lĩnh vực

Ngành Nông nghiệp và thủy sản: Tăng cường khả năng chống chịu của cây trồng thông qua biện pháp lựa chọn giống cây trồng, thay đổi lịch mùa vụ phù hợp, cộng sinh nấm. Giảm nhu cầu cấp nước và thất thoát nước trong canh tác bằng biện pháp san phẳng mặt ruộng hay hình thức tưới nhỏ giọt. Tăng cường sự thích nghi với lũ lụt bằng biện pháp canh tác nổi. Bảo vệ gia súc vật nuôi từ các tác động của BDKH thông qua cải thiện thức ăn chăn nuôi và điều chỉnh nhiệt độ chuồng trại. Quy hoạch lại vùng cá nước ngọt và nước lợ có tính đến các yếu tố BDKH như nước biển dâng và xâm nhập mặn. Phối hợp với các ngành, lĩnh vực liên quan xây dựng kế hoạch quản lý TNN. Cải tiến, đổi mới kỹ thuật, giống trong nuôi trồng thủy sản. Xây dựng các công trình đê biển,

kè biển, kè chắn sóng và các công trình khác phù hợp với điều kiện tự nhiên, quy hoạch nuôi trồng thủy hải sản của khu vực.

Ngành Công nghiệp, năng lượng, xây dựng: Điều chỉnh, quy hoạch kế hoạch phát triển ngành phù hợp với tình hình BDKH. Tận dụng ưu đãi cơ chế chính sách và tài chính BDKH, đầu tư cải tiến công nghệ, đổi mới quy trình trong sản xuất công nghiệp, giảm thiểu phát thải khí nhà kính và BVMT thông qua các dự án NAMA, CDM... Đổi mới công nghệ, sử dụng các công nghệ giảm thiểu sử dụng nhiên liệu hóa thạch, sử dụng nhiên liệu tái tạo. Thiết kế thi công xây dựng các công trình nhà ở, kiến trúc có tính đến các yếu tố BDKH, cách nhiệt, thông gió tự nhiên... Đầu tư cơ sở hạ tầng, BVMT khu vực nông thôn và ven biển khu vực ĐBSCL. Phát triển cây xanh và bảo tồn mặt nước trong các đô thị và các KCN, đạt tiêu chuẩn diện tích cây xanh khoảng 15 m²/người, bảo đảm diện tích cây xanh trong các KCN đạt tỷ lệ tối thiểu 15% diện tích KCN. Đẩy mạnh công tác phát triển liên ngành, liên vùng, liên kết vùng KTTĐ với các vùng khác trong khu vực ĐBSCL.

Sức khỏe cộng đồng: Bảo đảm vệ sinh môi trường thông qua các biện pháp xử lý nước thải, chất thải rắn đặc biệt là khu vực nông thôn, dân cư nghèo ven biển. Tăng cường các biện pháp vệ sinh dịch tễ, chương trình bảo vệ sức khỏe người dân. Nâng cao chất lượng quản lý chất lượng môi trường không khí, xử lý nước thải, chất thải rắn.

Kết cấu hạ tầng: Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, bảo đảm

giao thương, liên kết vùng có tính đến yếu tố BDKH. Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn chỉnh tuyến đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Trung Lương - Cần Thơ - Cà Mau, hoàn chỉnh việc nâng cấp và mở rộng các tuyến quốc lộ quan trọng: 1A, 80, 91, tuyến N1, N2, tuyến Nam Sông Hậu, tuyến Quản Lộ-Phụng Hiệp và các cầu còn lại trên các sông Tiền, sông Hậu và các sông lớn khác; cải tạo, nâng cấp đồng bộ hệ thống cầu đường trên địa bàn, đặc biệt là đường vào các khu, cụm công nghiệp, đường nhánh kết nối với hệ thống quốc lộ, đường cao tốc. Nâng cấp mở rộng một số tuyến đường huyện có tiềm năng phát triển kinh tế và lưu lượng vận chuyển hàng hoá cao lên đường tỉnh. Nâng cấp mở rộng các tuyến hiện hữu, nâng cấp các tuyến liên xã thành đường huyện... bảo đảm lưu thông thông suốt với tất cả các địa phương trong vùng ĐBSCL. Quy hoạch đất để xây dựng tuyến đường xuyên khu vực từ Thái Lan qua Campuchia vào Việt Nam theo tuyến dọc ven biển qua các tỉnh Kiên Giang, Cà Mau gắn với phát triển các đô thị dọc hành lang này và gắn với phát triển vùng kinh tế ven biển tạo điều kiện cho sự phát triển tổng hợp kinh tế biển và ven biển về thủy sản, công nghiệp đóng tàu, thuyền và vận tải biển; mở mang du lịch, phát triển dân cư, đô thị. Cải thiện độ bền của vật liệu mặt đường bằng các biện pháp kết hợp các vật liệu khác nhau trong nhựa đường, sử dụng hỗn hợp xi măng ECC. Cải thiện sức chống chịu của các cảng biển, hệ thống giảm chấn dịch chuyển chủ động. Sử dụng hệ thống giao thông thông minh trong quản lý GTVT. ■